

Bản án số: 86/2019/HS-ST

Ngày 29-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M- THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Tộ.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn G, sinh ngày 31/7/2002 tại xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà Dương Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/10/2019, chuyển tạm giam ngày 29/10/2019 đến nay. Có mặt.

- Người giám hộ cho bị cáo: Bà Dương Thị M, sinh năm 1971 (mẹ đẻ của G). Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc Cường – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị hại:

+ Đỗ Xuân N, sinh năm 1971. *Vắng mặt.*

+ Vũ Thị N, sinh năm 1973. *Vắng mặt.*

Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện M, TP. Hà Nội.

+ Trần Đình S, sinh năm 1969. *Vắng mặt.*
+ Trần Ánh T, sinh năm 1994. *Vắng mặt.*
Đều cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện M, TP. Hà Nội.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
Dương Thị M, sinh năm 1971. *Có mặt.*
Nơi cư trú: Thôn O, xã H, huyện M, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/2019 đến ngày 18/10/2019, Nguyễn Văn G đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 05/7/2019, Nguyễn Văn G đi từ nhà đến quán internet Đàm Bích ở thôn L, xã A, huyện M để chơi game. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, G mượn xe máy Honda Wave màu trắng của Đặng Chung Đ, sinh năm 1997 ở thôn L, xã A chơi trong quán net với G. Sau đó G điều khiển xe máy đến khu vực tái định cư thôn Đ, xã A phát hiện nhà anh Đỗ Xuân N không có ai ở nhà, G dựng xe máy ở gần sân vận động thôn Đ, cách nhà anh Niệm khoảng 20m, đi bộ ra đằng sau vườn, trèo lên tường rào rồi nhảy xuống bếp, nhặt một thanh sắt có chiều dài 20cm ở dưới cửa xuống bếp, phá khóa đi vào nhà, thấy có camera nên G đã rút dây cắm ra. G đi vào phòng ngủ mở tủ quần áo phát hiện có một chiếc ví đỏ bên trong có 260.000 đồng (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng), G lấy cho vào túi quần bên trái rồi trả lại chiếc ví vào chỗ cũ. G tiếp tục kiểm tra móc treo quần áo phát hiện bên trong túi quần vải thấy 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng) và lấy 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng). Sau đó, G mở hòm gỗ màu cánh gián phát hiện bên trong có 1.330.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng), G lấy hết số tiền này cho vào túi quần đang mặc. G nhìn thấy trên đầu giường có 02 chiếc điện thoại di động, G thử một chiếc điện thoại Oppo thấy bị hỏng nên trả vào chỗ cũ, còn chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note4 thì vẫn hoạt động được nên G tháo sim rút xuống nền nhà rồi cầm theo điện thoại nhảy qua tường đi ra ngoài. G điều khiển xe máy đến quán sửa chữa điện thoại Văn S ở tổ dân phố T, thị trấn N, huyện M bán với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) rồi đi xe máy về quán internet Đàm Bích bảo Đặng Chung Đ chở ra bến xe T đi ra H và chi tiêu hết số tiền trộm cắp là 1.700.000 đồng.

Tại Kết luận số 52/KL-HĐĐG ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện M đối với 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi Note4 màu trắng bạc đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng, giá trị tại thời điểm là 1.200.000 đồng. Như vậy tổng số tiền Nguyễn Văn G trộm cắp của gia đình anh Đỗ Xuân N là 2.900.000 đồng.

Vụ thứ hai: Trong khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đang tiến hành điều tra thụ lý vụ án và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với G thì khoảng 14 giờ ngày 18/10/2019, Nguyễn Văn G đến quán internet của chị Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1992 ở thôn Vài, xã H chơi. Một lúc sau G thấy một chiếc xe đạp của khách không khóa nên G lấy xe đạp điều khiển từ xã H đến xã T mục đích để trộm cắp tài sản. Thấy nhà ông Trần Đình S, sinh năm 1969 ở thôn P, xã T không có người ở nhà, G trèo vào nhà lấy 01 con lợn đất màu hồng để ở tủ gỗ, G đập ra lấy được số tiền 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Thấy ở gầm giường có một túi xách màu đỏ, G mở ra lấy 01 máy tính xách tay Dell E6410. Sau đó, G mang xe đạp về quán nhà chị Hằng trả xe và đi bộ đến quán internet nhà chị Lê Thị H, sinh năm 1989 ở thôn V, xã H trả chị H 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nợ tiền chơi game, số tiền 200.000 đồng G chơi game hết, còn chiếc máy tính G mang về nhà cất dưới gầm giường của gia đình. Ngày 20/10/2019 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên G đến công an huyện M xin đầu thú và giao nộp tài sản gồm: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude E6410 đã qua sử dụng, hiện trạng máy không có pin, có dây sạc và 01 túi xách đi kèm.

Tại Kết luận số 73/KL-HDDG ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện M đối với 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Latitude E6410 đã qua sử dụng, hiện trạng máy không có pin, có dây sạc và 01 túi xách đi kèm, giá trị tài sản còn lại của chiếc máy tính xách tay là 2.741.000 đồng, túi xách là 40.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.781.000 đồng. Tổng số tiền G trộm cắp được của gia đình ông Trần Đình S là 3.131.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản hai lần Nguyễn Văn G trộm cắp có giá trị là 6.031.000 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

Cáo trạng số 99/CT-VKS-MĐ ngày 18/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 101; Khoản 1 Điều 173; Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ: Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo rất đơn giản, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình đã bồi thường toàn bộ cho bị hại, vì vậy đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Có đủ căn cứ xác định, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 05/7/2019, lợi dụng sơ hở của gia đình anh Đỗ Xuân N, Nguyễn Văn G đã đã lén lút đột nhập lấy trộm 01 điện thoại giá trị 1.200.000 đồng và số tiền 1.700.000 đồng, tổng tài sản trộm cắp là 2.900.000 đồng. Trong thời gian áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 18/10/2019 G tiếp tục trộm cắp tài sản của gia đình anh Trần Đình S 01 máy tính xách tay trị giá 2.741.000 đồng, 01 túi xách trị giá 40.000 đồng và số tiền 350.000 đồng, tổng tài sản trộm cắp là 3.131.000 đồng. Tổng giá trị tài sản hai lần G trộm cắp là 6.031.000 đồng (Sáu triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình đã khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 90, 91, 101 Bộ luật Hình sự để xử lý, đảm bảo lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa

chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra, sau khi được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội cùng tính chất, do đó cần áp dụng hình phạt tù cách ly một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 12/7/2019 bà Dương Thị M là mẹ đẻ của G đã đến cửa hàng điện thoại di động Văn S chuộc lại điện thoại G đã bán cho anh S, mang số tiền 1.700.000 đồng và chiếc điện thoại nêu trên đến trả lại cho gia đình anh Đỗ Xuân N. Ngày 13/11/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Mĩ Đức trả lại tài sản cho gia đình ông Sơn. Cả anh Niệm và anh Sơn đều không có ý kiến đề nghị gì khác về số tài sản trên nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với chiếc xe đạp G mượn ở quán internet của chị H, G không biết là xe của ai, do không có mục đích chiếm đoạt và sau khi sử dụng đi trộm cắp về thì G đã mang trả lại xe vào vị trí ban đầu nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Dương Thị M không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền chuộc điện thoại và số tiền đã bồi thường cho bị hại thay bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không giải quyết.

Đối với Đặng Chung Đ, sinh năm 1997 ở thôn L, xã A, do Đ không biết việc G mượn xe máy của Đ đi đâu, làm gì nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 thanh sắt có chiều dài 20 cm đã qua sử dụng mà bị cáo dùng vào việc phạm tội, 01 khóa Việt Tiệp thu của gia đình anh Niệm và 01 con lợn đất tiết kiệm đã bị vỡ của anh Sơn không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 38; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91; Điều 101; Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Nguyễn Văn G **09 (Chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ

luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt có chiều dài 20 cm đã qua sử dụng, 01 khóa Việt Tiệp và 01 con lợn đất tiết kiệm đã bị vỡ.

Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/11/2019 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Khoản 01 Điều 21, Điểm a khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện M;
- Cơ quan THAHS huyện M;
- Chi cục THAHS huyện M;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Hiệp